

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NĂM CĂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31-5-2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tạo.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Võ Minh Út;

Ông Nguyễn Duy Tân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Thành Công - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Trung H, sinh năm 1993 (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Võ Kim T, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm H, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 02 năm 2022 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn ông Phạm Trung H trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Qua thời gian quen biết, tìm hiểu nhau nên ông H và bà T kết hôn với nhau vào năm 2015, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức đám cưới nhưng đến năm 2018 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Khi mới kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và không hợp nhau nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Xét thấy, hôn nhân không đạt được hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn và không thể tiếp tục duy trì hôn nhân nên ông Phạm Trung H xin được ly hôn với bà Võ Kim T.

- Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Đối với bị đơn bà Võ Kim T:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà bà T không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của ông H. Đồng thời, Tòa án tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần nhưng bà T vẫn không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**Tại phiên tòa:** Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến gì khác.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **Về thủ tục tố tụng:**

Nguyên đơn ông Phạm Trung H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Bị đơn bà Võ Kim T Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập xét xử hợp lệ lần 2 đối với bà T, nhưng bà T vẫn vắng mặt không lý do; Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà Võ Kim T.

### **Về nội dung vụ án:**

[1] Về hôn nhân: Ông H và bà T kết hôn với nhau vào năm 2015, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức đám cưới nhưng đến năm 2018 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 144 ngày 21 tháng 11 năm 2018. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của ông H và bà T được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký.

Xét thấy, ông H xin ly hôn với bà T là vì trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và không hợp nhau nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Về phía bà T đã được Tòa án thông báo hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bà T vẫn vắng mặt và cũng không có trình bày ý kiến gì của mình về yêu cầu xin ly hôn của ông H, từ đó cho thấy bà T cũng không có thiện chí mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa bà T với ông H. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông H và bà T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H. Ông H được ly hôn với bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Ông H và bà T chưa có con chung nên không xem xét.

[3] Về chia tài sản chung và nợ chung: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp nhận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên ông H phải chịu nộp 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Phạm Trung H. Ông Phạm Trung H được ly hôn với bà Võ Kim T.

2. Về nuôi con chung: Ông H và bà T không có con chung nên không xem xét.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng, ông H phải chịu nộp án phí 300.000 đồng, ông H có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015424 ngày 14 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được chuyển thu, không phải nộp tiếp.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- UBND thị trấn Năm Căn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Tạo**